

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HS - ST

Ngày: 13 - 5 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Chính;

Bà Đỗ Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn T (tên gọi khác Vũ Văn T), sinh năm 1975 tại xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 19, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn B và bà Phạm Thị Đ; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Vũ Thị H (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999;

Tiền án: Ngày 27/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 12/8/2019; tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 1995, Tòa án nhân dân huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Hà xử phạt 09 tháng tù về các tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và Trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 29/8/2014, Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 27 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị bắt tạm giam từ ngày 03/01/2020 đến nay; “có mặt”.

- Người bào chữa: Bà Trần Thị N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- Bị hại: Ông Nguyễn Xuân P, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 8, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”

- Người làm chứng:

1. Anh Phạm Văn T; “vắng mặt”

2. Bà Nguyễn Thị N; “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 27/11/2019, Phạm Văn T đi xe đạp từ nhà sang xã Xuân Thủy với mục đích trộm cắp tài sản để lấy tiền ăn tiêu. Khi đến khu vực nhà bà Nguyễn Thị N ở xóm 8, xã T, T phát hiện thấy trong sân có chiếc xe ba bánh tự chế của ông Nguyễn Xuân P gửi nhờ nhà bà N nên T nảy sinh ý định trộm cắp. Quan sát xung quanh không có ai, T để xe đạp ở ngoài đường rồi T đến cổng nhà bà N, thấy cổng chỉ cài then, không khóa, T mở cổng đi vào dắt chiếc xe ba bánh ra đường, dùng đoạn dây thép có sẵn trên xe buộc phần đầu xe ba bánh vào phía sau xe đạp rồi kéo đi tìm nơi tiêu thụ. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày khi đi đến khu vực xóm 10, xã T thì gặp lực lượng Công an xã T yêu cầu kiểm tra, T tự giác khai nhận việc vừa trộm cắp chiếc xe ba bánh. Công an xã T lập biên bản thu giữ chiếc xe ba bánh và chiếc xe đạp.

Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐG ngày 17/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Xuân Trường đã kết luận: 01 xe kéo ba bánh tự chế, phần đầu xe kéo làm bằng động cơ kiểu dáng xe Dream, thùng xe bằng kim loại kích thước (130 x 100 x 70) cm, tổng trọng lượng 150 kg, xe cũ không còn giá trị sử dụng tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị 750.000đ.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường đã trả lại chiếc xe ba bánh cho ông Nguyễn Xuân P. Hiện ông P không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường cũng đã trả lại chiếc xe đạp mi ni màu xanh cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn T ở xóm 19, xã T.

Cáo trạng số 07/CT-VKSXT ngày 25/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung vụ án đã nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ

vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: T bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 09 đến 12 tháng tù; hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo T nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa, không tranh luận gì với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên. Trong lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc kết tội: Hành vi của bị cáo như đã khai nhận tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của bị hại cũng như kết quả định giá tài sản và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Phạm Văn T đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích. Ngày 27/11/2019, tại xóm 8, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định, T lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản đã lén lút chiếm đoạt 01 xe kéo ba bánh tự chế trị giá 750.000đ của ông Nguyễn Xuân P. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố là có căn cứ.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi “Trộm cắp tài sản” của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, mục đích bị cáo đi trộm cắp tài sản của ông Phiền là để có tiền tiêu sài cá nhân. Bị cáo đã từng bị kết án về các tội liên quan đến ma túy, trộm cắp tài sản; mới chấp hành xong hình phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục đi trộm cắp tài sản của người khác, điều đó thể hiện sự coi thường pháp

luật, do vậy cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm minh thì mới có tác dụng răn đe đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ hành vi nguy hiểm của bị cáo, có như vậy mới tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách N dân sự: Bị hại ông Nguyễn Xuân P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự nên không xem xét giải quyết; về chiếc xe đạp bị cáo dùng vào việc phạm tội thuộc sở hữu của anh Phạm Văn T là em trai bị cáo. Xét thấy anh T không biết bị cáo mượn xe đạp đi trộm cắp nên Công an huyện Xuân Trường đã trả lại anh T chiếc xe đạp này là phù hợp pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

T bố bị cáo Phạm Văn T (tên gọi khác Vũ Văn T) phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2020.

2. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh + huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- UBND xã T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Thung